

BÀN VỀ NHỮNG CÁCH HIỂU “TRI KIẾN PHẬT” TRONG KINH PHÁP HOA^(*)

Đào Vũ Vũ^()**

^(**) Tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: daovuvu17@gmail.com

Tóm tắt: Kinh Pháp Hoa là một trong những bộ kinh điển lớn của Phật giáo Đại thừa. Nhiều tư tưởng sâu sắc đã được khai triển trong kinh này, trong đó “tri kiến Phật” là một tư tưởng trung tâm, được nhiều học giả đặc biệt quan tâm. Trên cơ sở tái hiện sự tồn tại của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong Kinh Pháp Hoa, bài viết tập trung làm rõ hai cách hiểu về “tri kiến Phật” nhằm giúp người đọc thấu hiểu lý do tại sao đây lại là một tư tưởng chủ đạo của Kinh Pháp Hoa. Theo cách hiểu thứ nhất, “tri kiến Phật” được hiểu là trí tuệ mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giác ngộ. Theo cách hiểu thứ hai, “tri kiến Phật” được hiểu là Phật tính vốn hiện hữu trong mọi chúng sinh. Hai cách hiểu về “tri kiến Phật” vừa thể hiện thông điệp đầy hy vọng về khả năng thành Phật của mọi người, vừa được xem là nền tảng cho tinh thần mềm dẻo và bao dung trong tư tưởng của Kinh Pháp Hoa.

Từ khóa: Phật giáo, Kinh Pháp Hoa, tri kiến Phật, Phật tính, nhất thừa.

Ngày nhận bài: 05/06/2025; ngày phản biện: 06/06/2025; ngày sửa chữa: 29/06/2025; ngày duyệt đăng: 10/08/2025.

1. Đặt vấn đề

Sự ra đời của Kinh Pháp Hoa trong lịch sử Phật giáo thế giới là một vấn đề có ý nghĩa đặc biệt, bởi vì nó được coi như dấu mốc quan trọng khẳng định sự hình thành và củng cố về mặt tổ chức của Phật giáo Đại thừa trong tiến trình phát triển mạnh mẽ của tông phái này. Tuy nhiên, cách nhìn nhận về sự ra đời của bộ kinh này đã dẫn đến những nhận định khác nhau trong việc lý giải các tư tưởng cơ bản của nó.

Đơn cử như cách nhìn nhận cho rằng, Kinh Pháp Hoa ra đời để định

hình Phật giáo Đại thừa mà trọng tâm là để khẳng định Bồ Tát đạo. Cách đặt vấn đề này mâu thuẫn với vấn đề nhất thừa mà Kinh Pháp Hoa đặt ra – Phật thuyết pháp rằng nhị thừa (Thanh Văn và Duyên Giác) và tam thừa (Bồ Tát) đều là phương tiện để hướng tới nhất thừa – chính đẳng chính giác, giải thoát, Niết bàn mà tín chúng đã chứng không phải là đích đến cuối cùng (Xem: Thích Tâm Thiện 2022: 583). Bên cạnh đó,

^(*) Đây là một phần trong kết quả nghiên cứu của Đề tài cấp cơ sở năm 2025 do TS. Đào Vũ Vũ làm chủ nhiệm.

trong bản thân kết cấu kinh, các vị Bồ Tát xuất hiện ở các phẩm sau của kinh đều là các vị đã thành Phật nhưng giáng độ lại thành Bồ Tát. Ở đây, ý nghĩa duy nhất ta có thể nêu ra khi chấp nhận cả hai ý kiến trên là quá trình khẳng định Bồ Tát thừa bằng các dẫn chứng cụ thể của những vị đã thành đạo nhưng quay lại để cứu độ chúng sinh, tức là những vị “Phật sống” trong vai Bồ Tát. Tuy nhiên, Bồ Tát không phải chỉ có những vị đã thành đạo rồi tái sinh để cứu độ chúng sinh, mà còn là những người tu hành theo Bồ Tát đạo, qua con đường thực hành lục ba la mật, đề cao trí tuệ và từ bi. Theo đó, quan điểm cho rằng kinh Pháp Hoa là kinh khẳng định Bồ Tát thừa chưa hẳn thuyết phục, bởi trước khi hoàn thiện Bồ Tát thừa cần phải thành Phật hoặc nếu chấp nhận quan điểm này thì phải khẳng định rằng có hai mức độ của Bồ Tát thừa. Mức độ thứ nhất là mức độ thành thực lục pháp ba la mật, mức độ thứ hai là thành Phật và quay trở lại cứu độ nhân sinh trong vai trò “Bồ Tát sống” hay “Phật sống”.

Khi tiếp cận Kinh Pháp Hoa như một bộ kinh chỉ ra nhất thừa, điều mà chúng tôi tập trung tìm hiểu là: nhất thừa ấy thực chất là gì, trong đó vấn đề quan trọng nhất là tác giả của bộ kinh đã làm thế nào để tái hiện Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, làm thế nào để chứng minh rằng ai cũng có khả năng thành Phật, không phải chỉ bằng một lời hứa hẹn tạo ra tâm lý kỳ vọng - hành động thọ ký, mà còn phải hiểu “tri kiến Phật”. Bài viết tập trung làm rõ vấn đề này thông qua việc trình bày

những cách hiểu khác nhau về “tri kiến Phật” (Thích Nhất Hạnh 2022: 66) (Thích Tâm Thiện 2022: 25) và từ đó cho thấy những con đường khác nhau của việc tu thành Phật.

2. Quá trình tái hiện Phật Thích Ca Mâu Ni trong Kinh Pháp Hoa

Kinh Pháp Hoa thường được chia thành hai phần là Tích môn và Bản môn. Trí Giả - người lập nên tông Thiên Thai của Trung Quốc lấy Kinh Pháp Hoa làm kinh chính để tu học. Ông là tác giả của cách chia mười bốn phẩm đầu làm Tích môn, kể lại những buổi thuyết pháp của Phật Thích Ca trong thế giới thực, mười bốn phẩm sau là Bản môn, hoặc là trình bày đời sống sau khi nhập Niết bàn của Phật (Xem: Thích Tâm Thiện 2022: 470), hoặc nâng giáo pháp của Phật lên tầng siêu thực, thần thánh hóa Phật Thích Ca (Xem: Thích Nhất Hạnh 2022: 42). Một số nhà tu hành của Việt Nam không đồng tình với cách chia này (Xem: Thích Nhất Hạnh 2022: 45; Dương đạo Nguyễn Thế Đăng 2024: 20), nhưng vẫn lấy cách chia Tích môn và Bản môn làm tiêu chí để phân tích nội dung của hai mươi tám phẩm trong Kinh Pháp Hoa.

Nếu phân tích bối cảnh ra đời của Kinh Pháp Hoa trong thời điểm hiện nay, chúng ta sẽ thấy vấn đề nằm ở chỗ: mặc dù Phật Thích Ca đã nhập Niết bàn và mọi người không còn được nghe những lời giảng trực tiếp của Ngài nữa, nhưng vẫn còn rất nhiều người kính ngưỡng Ngài, không chỉ là những đệ tử đã trực tiếp nghe ngài thuyết giảng và đạt được các quả vị cao như A la hán

theo con đường Thanh Văn hay Duyên Giác, mà còn có cả những vị học trò “bé nhỏ” hơn, “nghèo nàn” hơn, như kẻ chống đối Phật Thích Ca Mâu Ni và họ hàng, người thân hay những người lấy việc giúp đỡ người khác làm phép tu. Vậy, đâu là mục tiêu tối hậu để những người học theo trung thành với con đường mà mình đã đi bấy lâu nay? Chân lý mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nêu ra là gì? Làm sao có thể biết được đó là chân lý thật? Chân lý đó nằm ở giáo đoàn, trong lời thuyết giảng của các Pháp sư, trong kinh sách, hay được thể hiện thông qua quá trình thực hành tu tập? Những vấn đề này đã được Kinh Pháp Hoa trình bày một cách sống động thông qua các ẩn dụ như: đứa con nghèo khó, ba xe, ngôi nhà cháy, được thảo, hóa thành,... xuất hiện trong các phẩm Tín giải, Dược thảo dụ, Hóa thành dụ...

Theo cách diễn giải từ quan điểm lịch sử của thiền sư Thích Nhất Hạnh trong cuốn *Sen nở trời phương ngoại*, có thể hiểu rằng kinh Vô lượng nghĩa - phần đầu tiên của Kinh Pháp Hoa - đã từng được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng khi Ngài nhập Niết bàn. Về sau, nó tiếp tục được kế thừa và phát triển, để rồi khi Kinh Pháp Hoa hoàn chỉnh với hai mươi tám phẩm, nó đã tiếp nối ý tưởng truyền thống về pháp vô lượng nghĩa. Việc Bồ Tát Văn Thù - như một thư ký kế cận của Đức Phật - nêu lại truyền thống rằng Đức Phật từng thuyết pháp vô lượng nghĩa, bên cạnh đó các Đức Phật khác như Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh và Phật

Đa Bảo cũng từng thuyết giảng pháp này, điều đó giúp khẳng định thêm tính chất tiếp nối, tiếp tục sử dụng của pháp vô lượng nghĩa. Từ đây cho thấy, việc tái thuyết pháp Vô lượng nghĩa trong Kinh Pháp Hoa không chỉ là một truyền thống đáng tin cậy, mà còn là một cách để củng cố quyền năng của kinh và sự tin tưởng của chúng tín đối với bộ kinh này.

Tuy nhiên, việc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tái thuyết pháp Vô Lượng nghĩa vẫn chưa đủ để chứng tỏ sự tái hiện của tồn tại khởi đầu này đối với chúng tín. Bởi, sự tin tưởng có nhiều mức độ khác nhau: nghe nói đã tin, phải hiện nguyên hình mới tin. Những người nghe đã tin học có thể dựa vào các Pháp sư, lấy đó làm nền tảng để tín ngưỡng Phật giáo, tin rằng một ngày nào đó mình cũng sẽ trở thành Phật. Nhưng, đối với những người muốn hiểu rõ Phật là gì, hay muốn nắm bắt con đường mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã chỉ ra, thì những gì pháp sư nói chưa hẳn đã thỏa mãn. Do đó, bước thứ hai cần thiết để tái hiện sự tồn tại của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đó là bước tái hiện của đích thân Ngài trong phẩm Hiện bảo tháp của Kinh Pháp Hoa.

Bảo tháp đã hiện, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã ngồi cùng Phật Đa Bảo, bảo tháp chứa vô vàn bảo vật, có thể dùng để thuyết pháp. Có thể hiểu rằng, khi học được pháp vô lượng nghĩa, cái mà ta thu được chính là vô vàn bảo vật, được sử dụng như công cụ để hiểu hay thuyết pháp. Nhưng, đây không phải là một thiện xảo – những trò đùa nghịch

về ngôn ngữ, không có mục đích ác hay xấu, mà dấu động cơ là thiện thì mục đích vẫn là giải tỏa trí óc, không có thật. Như Hòa thượng Thích Trí Quảng nói phương tiện là để chỉ ra cái chân thật (Xem: Thích Trí Quảng 2018: 2). Nếu không có sự chân thật, thì phương tiện cũng chỉ là “lời nói gió bay”. Quan trọng là cái chân thật, mà ở đây là sự thật mà ta có thể nhìn ra. Rõ ràng, kinh sách là vô lượng nghĩa và bởi vì tính vô lượng của nó mà sự tiếp nhận của mỗi chủ thể là khác nhau, thông tin khi thâm nhập vào trí óc của mỗi người không thể không có khác biệt. Đây là một thực tướng, một sự thực trong quan hệ giữa ngôn ngữ và con người mà kinh Pháp Hoa đã chỉ rõ thông qua việc Đức Phật giảng pháp Vô lượng nghĩa và pháp Phương tiện.

Nhưng, vấn đề đặt ra là: mục đích của những người tin Phật, học theo Phật là để giải thoát, để thành Phật, hay dùng theo thuật ngữ xuất hiện trong kinh Pháp Hoa là để đạt được “tri kiến Phật”. Kinh Pháp Hoa viết: “Các đức Phật Thế tôn vì muốn *khai thị tri kiến Phật* cho chúng sinh, để chúng sinh được thanh tịnh; vì muốn *chỉ tri kiến Phật* cho chúng sinh; vì muốn cho chúng sinh *tỏ ngộ tri kiến Phật*; vì muốn cho chúng sinh *chứng vào đạo tri kiến Phật*... Tất cả chỉ vì một việc làm cho chúng sinh *tỏ ngộ tri kiến Phật*” (Dẫn theo: Thích Tâm Thiện 2022: 536). Như vậy, “tri kiến Phật”, cách Đức Phật nhìn thế giới có thể được hiểu như thế nào?

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nhập Niết bàn, nên không thể sống lại theo

nghĩa thông thường. Vậy thì, điều mà con người có thể học được từ Ngài để trở thành Phật, hay để có cách nhìn cuộc đời giống như Ngài, cụ thể là gì? Đối chiếu với thông điệp “ai cũng có thể thành Phật” của kinh Pháp Hoa, chúng ta thấy có hai vấn đề nảy sinh. Thứ nhất, “tri kiến Phật” được hiểu là trí tuệ mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giác ngộ; thứ hai, “tri kiến Phật” cũng được hiểu là Phật tính vốn có trong mọi sinh linh. Đây chính là những tư tưởng cốt lõi trong kinh Pháp Hoa đã được nhiều giảng sư nêu ra.

3. “Tri kiến Phật” với tư cách là trí tuệ mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giác ngộ

Như ta thấy, nếu tiếp cận kinh Pháp Hoa từ khía cạnh “thành Phật”, thì bộ kinh này ẩn chứa trí tuệ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chỉ ra con đường để thành Phật sau khi đã chứng Niết bàn. Niết bàn là cõi không sinh không diệt, không có bắt đầu và không có kết thúc (vô thủy vô chung). Ở đây, Niết bàn được hiểu là sự chấm dứt của đau khổ, nhưng đau khổ chấm dứt không đồng nghĩa với việc ngừng tu tập. Điều này đặt ra một câu hỏi quan trọng: liệu con người có cần phải sống tách biệt với thế giới chúng sinh, đóng kín các giác quan, không tiếp xúc với thế giới bên ngoài để đạt đến giải thoát khỏi đau khổ? Đây là cách tiếp cận của Thanh Văn. Kinh Pháp Hoa nói tới những thành quả tu tập theo con đường Thanh Văn như sau: “Nếu có chúng sinh theo Phật nghe pháp, tin hiểu, ân cần, tinh tấn, muốn sớm ra khỏi ba cõi cầu chứng Niết bàn,

gọi đó là Thanh văn thừa...” (Dẫn theo: Thích Tâm Thiện 2022: 450).

Cách tiếp cận thứ hai là con đường Duyên giác dành cho những ai đã thấu hiểu được lý Nhân duyên, nhận ra quy luật sinh (khởi đầu) và tử (kết thúc) của mọi tồn tại giả tạm. Đúng như tên gọi, Duyên giác là sự giác ngộ ra “duyên” (nhân – duyên – quả). Kinh Pháp Hoa đã nói tới những thành quả tu theo con đường Duyên Giác như sau: “Nếu có chúng sinh theo Phật, nghe pháp, tin hiểu, ân cần, tinh tấn, cầu trí tuệ tự nhiên, ưa thích tịch tĩnh vắng lặng, hiểu rõ lý nhân duyên của các pháp, gọi đó là Duyên giác thừa” (Dẫn theo: Thích Tâm Thiện 2022: 450).

Cách tiếp cận thứ ba là con đường Bồ Tát. Kinh Pháp Hoa đã viết: “Nếu có chúng sinh nào theo Phật, nghe pháp, tin hiểu, ân cần, tinh tấn cầu Nhất thiết trí, Phật trí, Tự nhiên trí, Vô sư trí, các tri kiến, lực vô úy của Như Lai, có lòng thương xót làm an vui cho vô lượng chúng sinh, lợi ích trời, người, độ thoát tất cả, hạng đó gọi là Đại thừa Bồ Tát” (Dẫn theo: Thích Tâm Thiện 2022: 540-541).

Tuy nhiên, như kinh Pháp Hoa đã chỉ rõ, vấn đề nằm ở chỗ: từ trước tới nay, nói nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) hay tam thừa (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát) đều chỉ là phương tiện – phương tiện của Như Lai (Dẫn theo: Thích Tâm Thiện 2022: 641), được sử dụng để phù hợp với căn cơ của từng hạng người khác nhau nhằm chỉ dẫn họ trên con đường tu học, chứ chưa phải là cứu cánh tối hậu. Vậy thì, Nhất thừa mà Đức

Phật chỉ ra theo chỉ dẫn của kinh Pháp Hoa là gì? Chúng ta có thể tham khảo cách luận giải của Hòa thượng Thích Trí Quảng trong bài viết *Lộ trình Nhất thừa của hành giả Pháp Hoa* (Thích Trí Quảng 2023). Theo Hòa thượng Thích Trí Quảng, lộ trình nhất thừa chính pháp gồm các bước sau: Tu nhân → tiến lên chư thiên → hành Bồ Tát đạo → viên mãn Bồ Tát hạnh → thành tựu Phật quả. Cụ thể là:

(1) Tu nhân thừa gồm tu tam quy (quy Phật, quy Pháp, quy Tăng) và tu ngũ giới (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không dối trá, không rượu bia). Quy Phật để phát triển trí tuệ, quy Pháp để thấy rõ sự sống của con người và quy Tăng để sống hòa hợp với mọi người. Từ đó hình thành nên con người tròn nhân cách.

(2) Tu thập thiện giới cõi trời. Để lên sáu cõi trời Dục giới gần người nhất thì phải thọ thập thiện giới. Một là không sát sinh, cứu giúp tất cả và phóng sinh. Hai là không gian tham, không trộm cắp, đồng thời phải biết bố thí, giúp đỡ người khác. Ba là không tà dâm, giữ tâm ý thanh tịnh. Bốn là chuyển bốn điều ác miệng thành thiện miệng: không nói dối, không thêu dệt, không nói hai chiều, không nói lời hung ác. Như vậy, bước tu này nhằm khắc phục cái xấu, những hệ lụy do các xung động mang tính dục và miệng lưỡi gây ra, hay nói cách khác là tu thân nghiệp và khẩu nghiệp.

(3) Tu ý nghiệp gồm tham, sân, si. Biết việc gì nên làm và không nên làm, biết trước việc xảy ra nên không bức

tức, không ham muốn, không si mê.

(4) Hành Bồ Tát đạo: tu thập môn ba la mật gồm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tịnh tấn, thiền định, bát nhã, phương tiện, nguyện, lực và trí. Con người nếu hoàn thiện thập ba la mật thì sẽ thành Phật.

Như vậy, kinh Pháp Hoa chỉ ra một đường tu – Nhất thừa, lấy việc đắc quả Phật làm mục tiêu. Theo đó, quá trình tu tập của con người bắt đầu từ việc khắc phục những hành động ác, những thói xấu nảy sinh từ tham, sân, si. Tiếp đó là khắc phục những suy nghĩ ác, đồng thời chuyển dần sang hành động thiện và suy nghĩ thiện. Bước tiếp theo là thanh lọc suy nghĩ, nhận diện rõ những hành động, lời nói, thái độ bị ảnh hưởng bởi các cảm xúc tham lam, tức giận, si mê. Cuối cùng, hành giả thuần thực các hạnh của Bồ Tát để hoàn thiện quá trình tu tập, thành Phật.

Nếu nhìn từ khía cạnh Niết bàn – tức là từ sự tịch diệt của phiền não, thì “tri kiến Phật” trong kinh Pháp Hoa mà Đức Phật đã thấy sau khi đạt tới cảnh trí Niết bàn chính là thế giới Tịnh độ. Thế giới Tịnh độ được giải thích như sau:

“Chúng sinh thấy tận kiếp, lúc lửa lớn thiêu đốt, cõi ta đây an ổn, trời người thường đông vậy, vườn rừng các nhà gác, những vật báu trang nghiêm, cây báu nhiều hoa trái, chỗ chúng sinh vui chơi, các trời đánh trống trời, thông trời những kỹ nhạc, rưới hoa mạn đà la, cúng Phật và đại chúng, Tịnh độ ta chẳng hư, mà chúng thấy cháy rã...” (Thích Tâm Thiện 2022: 586).

Thế giới sau khi đạt tới Niết bàn –

ý nghĩa của Tịnh độ – cũng tức là thế nhập vào thế giới Tịnh độ, đầy đủ, vui tươi sống động, đầy của báu, đầy âm thanh; đó là thế giới không hư hoại, khác hoàn toàn với thế giới mà mắt người thường trông thấy - thế giới của khổ đau. Sau khi đã đạt tới mức hiểu được nguồn gốc của Khổ, con đường để thoát Khổ và chấm dứt Khổ, cái mà người tu hành đắc đạo nhìn thấy là thế giới của sự sung túc đủ đầy, hạnh phúc và bất diệt. Tuy nhiên, để có thể có được định lực cư trú trong cõi Tịnh độ, cần thiết phải thực hành “Tịnh Pháp Hoa”. Nói cách khác, đó là sự tu hiểu về vô lượng nghĩa (của thế giới ngôn từ), quán chiếu cả thế giới bên trong và bên ngoài, nhằm hóa giải những bất đồng hay mâu thuẫn do các nghĩa khác nhau tạo ra.

Như vậy, theo chỉ dẫn của Hòa thượng Thích Trí Quảng, tu hành theo kinh Pháp Hoa là tu theo một đường tiến dần lên các nhân cách hòa bình và an nhiên, mà cao nhất là ngộ đạo, chứng quả Phật – có được trí tuệ và tri kiến như Đức Phật. Muốn như vậy, người tu tập cần rèn mình để giữ đạo đức, cần có trí tuệ để hiểu ra sự khác biệt do “vô lượng nghĩa”, đồng thời cần nhìn ra sự bình đẳng của mọi tồn tại, thực hành nhiếp Tâm niệm Phật để đạt tới năng lực an định, không tranh cãi (cả với người khác lẫn với chính nội tâm mình), từ đó, tùy vào hoàn cảnh, tùy vào nhân duyên mà xây dựng nên thế giới Cực lạc trong những cảnh huống khác nhau của thực tại.

4. “Tri kiến Phật” với tư cách là Phật tính trong mọi sinh linh

Đây là một cách hiểu khác về “tri kiến Phật”. Cách hiểu này cho rằng ai cũng có Phật tính. Nói cách khác, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã phải trải qua một quá trình tu tập để tri nhận ra nguồn gốc của khổ đau, cách để chấm dứt khổ đau và cách để có trí tuệ, trông thấy thế giới đúng như những gì thực tồn.

Như Thích Nhất Hạnh trong *Sen nở trời phương ngoại* đã nói: “Tư tưởng Pháp Hoa là tư tưởng nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính, nghĩa là mỗi chúng sinh đều có khả năng trở thành một người giác ngộ hoàn toàn” (Thích Nhất Hạnh 2022: 27). Trong quá trình phân tích các phẩm của kinh Pháp Hoa, cụ thể là phẩm Phương tiện, Thích Nhất Hạnh nhắc tới nhất thiết chúng trí: “Trong phẩm này ta thấy danh từ Nhất thiết chúng trí, mà nghĩa lý cũng tương đương với tri kiến của Bụt, với cái thấy, cái trí tuệ của Bụt. Đó là trí tuệ cao siêu nhất, và cũng là mục đích của tất cả những người tu học” (Thích Nhất Hạnh 2022: 74).

Theo cách hiểu này, Phật tính tập trung vào năng lực nhận thức của chính bản thân con người, nhưng đó không phải là năng lực nhận thức thông thường, mà là năng lực nhận thức thấu suốt và thông hiểu những điều kiện chi phối sự sống, các kết quả mà chúng tạo ra, cũng như cội nguồn của các nhận thức đó – tức là ý thức. Từ sự hiểu biết đó, con người có được trí tuệ để giải quyết các vấn đề nhân sinh mà sự tồn tại của con người luôn phải đối diện. Rõ ràng, ai cũng có năng lực nhận thức,

nhưng không phải ai cũng đặt ra câu hỏi về chính quá trình nhận thức: con người nhận thức như thế nào, cái gì tác động tới quá trình nhận thức, cái gì là chủ thể nhận thức, liệu nhận thức đó có thực sự đúng hay không, cái gì là gốc rễ, nền tảng của nhận thức. Phật tính trong “tri kiến Phật” mà các hành giả nói tới ở đây chính là phần cốt lõi nhất của nhận thức: bản thân năng lực nhận thức – ý thức – với những đặc tính của nó mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã tự giác ngộ.

Hay như Hòa thượng Thích Thanh Từ khi giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa theo góc nhìn Thiền cũng đã chỉ ra: “Giáo nghĩa trọng yếu của kinh Pháp Hoa là chỉ bày Tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi chúng sanh. Tri kiến Phật là cái thấy biết không thuộc về kiến chấp ngã nơi thân, không thuộc về kiến chấp ngã nơi tâm (vọng tâm). Lại là thể của thân tâm, thường trụ không sanh không diệt” (Thích Thanh Từ 2024: 5). Sau khi giải thích rằng mọi tồn tại đều có sẵn “Tri kiến Phật”, Hòa thượng Thích Thanh Từ chỉ ra tên gọi khác và cách đặt tới tri kiến Phật theo Thiền tông: “Tri kiến Phật... Thiền tông gọi là bản lai diện mục. Nếu tu sạch hết vô minh, vọng tưởng thì bản lai diện mục hiện tiền” (Thích Thanh Từ 2024: 14); “Tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi chúng sanh, vì vô minh phủ che nên nó không hiện. Nếu người biết tu hành công phu viên mãn, thì tri kiến Phật hiển hiện trong sáng. Đó là ý nghĩa của nhân quả đồng thời” (Thích Thanh Từ 2024: 13). Cách dẫn giải “tri kiến Phật” là bản lai diện

mục cho thấy cách tiếp cận điển hình của Thiền tông, tập trung vào cơ chế của quá trình nào bộ hình thành nhận thức về thế giới bên ngoài, giải tỏa vô minh và vọng tưởng để năng lực nhận thức như Phật tự hiển hiện. Đây là năng lực nhận thức - Phật tính - mà tất cả mọi người đều có, không phải kiếm tìm đâu xa ở bên ngoài mình. Chỉ cần xóa bỏ vô minh và vọng tưởng thì “tri kiến Phật” sẽ tự lộ diện. Để làm được điều đó, cách tu Thiền là cần thiết, người tu ngồi một chỗ để các giác quan không bị cuốn vào sự biến đổi của các động thái bên ngoài. Người tu tập cần thoát khỏi các suy nghĩ, hình ảnh, ấn tượng hiện lên trong đầu khi thiền; để thân tâm trở về trạng thái hoàn toàn tịch lặng. Tịch lặng mà tỉnh thức chính là bản lai diện mục hay “tri kiến Phật” mà Hòa thượng Thích Thanh Từ nói tới.

Vậy, làm thế nào để thấy được Thực tướng như dùng con mắt “tri kiến Phật”? “Tự tâm của mỗi người, khi mất thấy người thấy cảnh... rồi khởi niệm nghĩ về người về cảnh đó là động niệm, mà động niệm là tướng duyên hợp sanh diệt vô thường, đủ duyên thì tạm có, thiếu duyên thì tạm không, không có thật thể cố định. Như vậy, pháp do duyên mà thành có hay thành không, thì pháp đó không thật. Còn pháp không do duyên mà thành, đó là cái chân thật” (Thích Thanh Từ 2024: 113). Đầu tiên, người tu tập cần hiểu về quá trình hình thành phản ứng suy nghĩ (niệm). Những nhân duyên hay pháp sinh từ suy nghĩ đều có sự khởi đầu và kết thúc, còn duyên vô vi – duyên tự

tác thành – là chân thật.

Còn về nguyên nhân của sự vô minh và vọng tưởng che lấp “tri kiến Phật”, Hòa thượng Thích Thanh Từ nhận định: “Tất cả mọi khổ đau đều từ tham muốn mà có, bao giờ hết tham muốn là hết khổ. (...) Tất cả mọi thấy biết của chúng sanh đều theo lòng tham ái của chính mình, nói và làm theo cái tham ái đó, nên không thấy được lẽ thật. Vì vậy mà Phật nói chúng sanh đui mù. Vì đui mù nên càng ngày càng chìm sâu trong tà kiến, bám lấy khổ mà muốn bỏ khổ” (Thích Thanh Từ 2024: 127). Nguyên nhân của đui mù là do chúng ta nhìn sự vật, hiện tượng bằng lòng tham, sân, si – tức là “đeo kính tam độc” khiến cái chân thật bị khúc xạ hay bóp méo, không còn chân thật nữa.

Trên đây là cách nhìn vào bên trong nội tâm, hướng tới quá trình nhận thức của chính người nhận thức. Vì thế, nó đòi hỏi một sự tu tập tinh tế và tỉnh táo để nắm bắt được bản chất và hiện tượng. Đây là cách tiếp cận vấn đề của phương pháp tu Đốn ngộ. Trải nghiệm đột ngộ - “Đốn” – tức là bùng nổ phá vỡ bức tường vô hình đang che lấp con mắt trí tuệ, giúp người tu hành nhận ra thực tướng của thế giới. Chính vì thế, các thiền sư thường dùng các hành động đột ngộ, bất thường để tác động trực tiếp vào người đang bám chấp vào ý niệm, giúp họ bừng tỉnh hay giao hoạt nhận ra sự cố chấp của tâm trí và sự tỉnh táo của bản thân, từ đó nhìn ra thế giới sống động có thực chứ không phải hình ảnh về thế giới bị khúc xạ trong tâm trí.

5. Kết luận

Kinh Pháp Hoa là một kinh quan trọng của Phật giáo Đại thừa, không chỉ bởi nó xác lập con đường tu theo Bồ Tát thừa, đề cao quan điểm Nhất thừa nhằm hội nhất các cách tu tập khác nhau về một mục đích chung – đạt quả thành Phật, mà còn bởi thái độ bao dung, mềm mỏng cùng thông điệp đầy hứa hẹn và hy vọng về khả năng thành Phật của mọi chúng sinh.

Đi sâu hơn một bước, kinh Pháp Hoa có mục đích trọng tâm là khai thị ngộ nhập “tri kiến Phật”. Đó là điều Đức Phật Thích Ca Mâu Ni muốn những người học tu theo mình hiểu, biết và áp dụng vào đời sống để thực sự thoát khỏi cái khổ mang tính định mệnh của mỗi con người. Tuy nhiên, cách hiểu về “tri kiến Phật” lại tùy thuộc vào góc nhìn của từng nhà tu tập, từng giảng sư, từ đó hình thành những con đường và phương pháp tu tập khác nhau. Ở đây, chúng ta có thể thấy hai cách hiểu phổ biến nhất. Theo cách hiểu thứ nhất, “tri kiến Phật” là trí tuệ mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã giác ngộ. Từ quan điểm này, hình thành nên con đường tu tập qua các bước: Giới - Định - Tuệ - Giải thoát - Giải thoát tri kiến, nhằm tự hoàn thiện nhân cách hòa bình và an nhiên. Theo cách hiểu thứ hai, “tri kiến Phật” là Phật tính trong mọi sinh linh. Quan điểm này dẫn đến trải nghiệm xóa bỏ vô minh, khắc phục vọng tưởng, qua đó con người tự khai mở và biết được tầng sâu hơn của chính sự tồn tại. Đó là tầng

Phật tính trong bản thân con người.

Cũng như trong các kinh khác, sự xuất hiện của các vị Phật trong kinh Pháp Hoa có mục đích truyền cảm hứng, củng cố đức tin rằng mọi chúng sinh đều có khả năng thành Phật. Đây có lẽ là lý do lớn nhất để kinh Pháp Hoa tồn tại phổ biến trong lịch sử Phật giáo ở các nước Phật giáo Đại thừa. Trong giới Phật học ở Việt Nam đương đại, kinh Pháp Hoa vẫn sẽ là một văn bản đầy thú vị, gợi mở nhiều cách hiểu khác nhau, nhiều con đường tu tập Phật pháp.

Tài liệu trích dẫn

1. Đương đạo Nguyễn Thế Đăng. 2024. *10 tư tưởng Pháp hoa trong đời sống hàng ngày*. Nxb. Tôn giáo & Công ty TNHH Xuất bản Thiện Tri thức.
2. Thích Nhất Hạnh. 2022. *Sen nở trời phương ngoại*. Nxb. Thế Giới.
3. Thích Trí Quảng. 2018. “Ý nghĩa pháp phương tiện và chân thật theo kinh Pháp Hoa”. Nguyệt san Giác ngộ online.
4. Hòa thượng Thích Trí Quảng. 2023. *Lộ trình nhứt thừa của hành giả Pháp hoa* (<https://giacngo.vn/lo-trinh-nhut-thua-cua-hanh-gia-phap-hoa-post68859.html>). Truy cập ngày 19/11/2023.
5. Thích Tâm Thiện. 2022. *Kinh Pháp Hoa – Giản yếu và tiểu bản*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
6. Thích Thanh Từ. 2024. *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.